

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/8/2022

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2022/QĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Anh Võ Duy Tr, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm 9, thôn Hòa Ché, xã HT, huyện BG, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư Văn phòng luật sư Bảo Công; Địa chỉ: Số nhà 2, khu 1, phường TK, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**- Bị đơn:** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1989

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Chiều, thôn Cây, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H; Địa chỉ: Xóm Chiều, thôn Cây, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Người làm chứng: Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1988; Địa chỉ: Đội 4, thôn Cây, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Võ Duy Tr trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Trần Thị Th được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện BG, tỉnh Hải Dương vào ngày 02 tháng 01 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống cùng bố mẹ anh, hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xô xát. Năm 2014, anh sang Đài Loan, khoảng 1-2 năm sau chị Th cũng sang Đài Loan nhưng hai vợ chồng mỗi người làm việc một nơi, không ở cùng nhau. Do khoảng cách địa lý, cộng thêm việc đã có mâu thuẫn từ trước nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Thời điểm đó chị Th cũng chủ động đề nghị ly hôn với anh nhưng vì cả hai đều đang ở nước ngoài nên chưa thể làm thủ tục. Tháng 4/2022, anh về nước, chị Th vẫn ở lại Đài Loan, anh và chị Th không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nhận thấy, vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, anh xác định không còn tình cảm với chị Th, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống riêng. Do đó, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

- *Về con chung*: Anh và chị Th có hai con chung là Võ Duy Tuấn A, sinh ngày 16/9/2009 và Võ Thị Anh Th, sinh ngày 21/12/2013, hiện nay cháu Tuấn A đang ở cùng anh, cháu Th đang ở cùng chị Th và bà ngoại. Cháu Tuấn A có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng anh, cháu Th muốn tiếp tục ở cùng chị Th. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu, anh tôn trọng nguyện vọng của các con, khi ly hôn anh đề nghị để anh được tiếp tục nuôi cháu Tuấn A, chị Th tiếp tục nuôi cháu Th, chị Th hiện chưa về nước, bà H (mẹ chị Th) sẽ hỗ trợ chị Th chăm sóc cháu Th cho đến khi chị Th về nước, hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai. Anh hiện đang làm quản lý và phiên dịch tại Công ty TNHH Công nghệ SS (Việt Nam - Hải Dương), địa chỉ: Nhà xưởng C1-A, lô số 05, khu công nghiệp CĐ - LD, huyện CG, tỉnh Hải Dương, thu nhập trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng. Bố mẹ anh đều làm nội trợ ở nhà, hàng ngày hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con cái.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng anh không tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Tr không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị Th, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của

chị Th. Chị Trần Thị Ph là chị gái chị Th, trình bày: Bà H là mẹ chị có nhận được giấy mời của Tòa án đến làm việc, tuy nhiên mẹ chị đi làm bận nên không đến làm việc được. Chị Ph xác định: Chị Th hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của chị Th nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị Th thường xuyên liên lạc về gia đình, chị đã thông báo cho chị Th biết việc anh Tr có đơn xin ly hôn với chị Th. Chị Th có quan điểm: Về thời điểm kết hôn, thời gian anh Tr, chị Th đi nước ngoài, quan hệ con chung giữa vợ chồng anh Tr, chị Th như anh Tr trình bày là đúng, quan điểm của chị Th nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Tr; Về con chung: Chị Th nhất trí mỗi người nuôi một con, anh Tr nuôi cháu Tuấn A, chị Th nuôi cháu Th, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai. Chị Th đề nghị bà H và chị Ph hỗ trợ chị Th chăm sóc cháu Th trong thời gian chị Th chưa về nước, bà H và chị Ph đều nhất trí; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, chị Th có nguyện vọng giải quyết về khoản nợ của anh Tr còn nợ chị Th và gia đình chị Th để dành cho cháu Th làm vốn sau này. Chị Th sẽ trao đổi và thỏa thuận với anh Tr. Trường hợp không thỏa thuận được chị Th sẽ làm đơn gửi Tòa án. Do hiện nay, chị Th vẫn đang làm việc tại Đài Loan chưa về nước nên đề nghị Tòa án gửi các văn bản, tài liệu cho chị Ph để chị Ph thông báo cho chị Th.

Tại phiên tòa:

Anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông H, chị Th, bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Chị Ph đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử chấp nhận cho anh Võ Duy Tr được ly hôn chị Trần Thị Th; Giao cháu Võ Duy Tuấn A sinh ngày 16/9/2009 cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Võ Thị Anh Th sinh ngày 21/12/2013 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian chị Th chưa về Việt Nam, giao cho bà H là mẹ chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh Tr và chị Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn (anh Tr đã nộp).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Anh Võ Duy Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa anh với chị Trần Thị Th. Chị Th hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Anh Tr không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh Tr và gia đình chị Th cung cấp địa chỉ nhưng anh Tr và gia đình chị Th không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa, anh Tr, chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H, ông H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tr, ông H, bà H, chị Ph.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Duy Tr và chị Trần Thị Th được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện BG, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/01/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, hai bên còn không quan tâm đến nhau. Nay anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Thông qua gia đình chị Th có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Tr. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh Tr và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Tr xin ly hôn chị Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Tr và chị Th có 02 con chung là Võ Duy Tuấn A, sinh ngày 16/9/2009 và Võ Thị Anh Th, sinh ngày 21/12/2013. Cháu Tuấn A đang ở cùng anh Tr và có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng anh Tr nếu bố mẹ ly hôn, cháu Th đang ở cùng chị Th và bà H (mẹ chị Th). Khi ly hôn chị Th và anh Tr đều có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 con, anh

Tr nuôi cháu Tuấn A, chị Th nuôi cháu Th, chị Th chưa về nước bà H là mẹ chị Th hỗ trợ chị chăm sóc cháu Th trong thời gian chị Th chưa về nước, bà H nhất trí. Anh Tr và chị Th không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai. Xét thấy: Cháu Tuấn A hiện đang ở cùng anh Tr ổn định, cháu Th từ nhỏ trong thời gian anh Tr và chị Th ở nước ngoài vẫn ở cùng bà H, hiện nay cháu Th vẫn đang ở cùng bà H. Do vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của các cháu cần giao cho anh Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn A, chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th. Anh Tr và chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Th chưa về nước, cháu Th đang ở cùng bà H, chị Th đề nghị bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung giúp chị cho đến khi chị về nước, bà H cũng nhất trí. Do vậy, cần giao cho bà H tiếp tục hỗ trợ chị Th chăm sóc cháu Th cho đến khi chị Th về nước.

Anh Tr, chị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr và chị Th đều xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Tr phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Võ Duy Tr được ly hôn với chị Trần Thị Th.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Võ Duy Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Võ Duy Tuấn A, sinh ngày 16/9/2009; Giao cho chị Trần Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Võ Thị Anh Th, sinh ngày 21/12/2013, thời gian từ tháng 8/2022 đến khi các con chung thành niên. Bà

Vũ Thị H có trách nhiệm hỗ trợ chị Th chăm sóc cháu Th cho đến khi chị Th về nước. Anh Tr và chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Tr và chị Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Võ Văn Trường phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tr đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000367 ngày 17/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Võ Duy Tr và bà Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Trần Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã HT, huyện BG, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**